

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 3 - 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bạch Linh.
2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Pha – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Trọng Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 03 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1980; Địa chỉ: ấp A, xã MB, huyện L, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp A, xã MB, huyện L, tỉnh Đ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/6/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Ngọc M tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ An Hưng B, huyện Lấp Vò,

tỉnh Đồng Tháp. Ủy ban nhân dân xã cấp giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyền số 1/1998 vào ngày 11/3/1998. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đến tháng 11/2020 thì vợ chồng đã sống xa nhau cho đến nay không ai quan tâm đến ai, mạnh ai người đó sống. Nay xét thấy, tình cảm của vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh M.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 01/01/2000 và Nguyễn Ngọc Kh sinh ngày 02/9/2004. Khi ly hôn chị Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Kh và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Còn con chung tên Nguyễn Ngọc K đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Nguyễn Ngọc M đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án nhưng anh M không có văn bản trình bày ý kiến của mình, không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Tòa án cũng đã tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai nhưng anh M cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị Đ nên Tòa án không tiến hành hoà giải được.

** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng để nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa. Riêng bị đơn đã được tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án cũng đã triệu tập bị đơn hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét lời trình bày của chị Nguyễn Thị Đ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy: Chị Đ và anh M đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện nên hôn nhân giữa chị Đ và anh M là hợp pháp. Trong thời gian chung sống chị Đ và anh M đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã xa nhau từ tháng 11/2020 cho đến nay, không hàn gắn đoàn tụ được. Do đó có căn cứ xác định hôn nhân giữa chị Đ và anh M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung cho chị Đ được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Đ không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Đ yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc M và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Bị đơn Nguyễn Ngọc M có hộ khẩu và cư trú tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Ngọc M đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh M vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Ngọc M.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về hôn nhân: Vào năm 1998, chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Ngọc M tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Mỹ An Hưng B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyền số 1/1998 vào ngày 11 tháng 3 năm 1998 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh M là hợp pháp. Theo chị Đ trình bày vợ chồng sống chung hạnh phúc được thời gian đầu sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Từ tháng 11 năm 2020, vợ chồng đã sống xa nhau, không ai quan tâm đến ai, mạnh ai người đó sống. Từ khi vợ chồng sống xa nhau hai bên cũng không tìm cách để hàn gắn tình cảm của vợ chồng. Bị đơn anh Nguyễn Ngọc M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh M không có văn bản trình bày ý kiến của mình cũng như không đến Tòa án để trực tiếp trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đ.

Xét thấy chị Đ và anh M đã sống xa nhau từ tháng 11/2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai, mỗi người có cuộc sống riêng. Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị Đ nhất quyết yêu cầu ly hôn với anh M. Còn anh M cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình mà không có lý do, điều đó thể hiện anh M không mong muốn Tòa án hoà giải để vợ chồng đoàn tụ mà để mặc cuộc hôn nhân này. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị Đ và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Đ đối với anh Nguyễn Ngọc M.

[2.2] Về con chung: Theo chị Đ trình bày vợ chồng sống chung có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 01/01/2000 và Nguyễn Ngọc Kh sinh ngày 02/9/2004. Hiện nay con chung tên Nguyễn Ngọc K đã trưởng thành tự lập động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn con chung tên Nguyễn

Ngọc Kh chưa đủ 18 tuổi nên chị Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Ngọc M cũng không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Đ, giao con chung tên Nguyễn Ngọc Kh cho chị Đ được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do chị Đ không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết còn anh M không trình bày ý kiến của mình nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn Ngọc M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57; Điều 81; Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc M.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Kh, sinh ngày 02/9/2004 cho chị Nguyễn Thị Đ được trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Ngọc M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, chị Nguyễn Thị Đ cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở và anh Nguyễn Ngọc M không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con của Nguyễn Thị Đ.

3 Về cấp dưỡng nuôi: Không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Đ đã nộp theo biên lai số 0014259 ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

7. Chị Nguyễn Thị Đ được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Ngọc M được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lấp Vò;
- Chi cục THADS H.Lấp Vò;
- UBND xã Mỹ An Hưng B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp; (CNKH 09/ quyển/1998)
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Văn Nội